TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20-02-2024
"V/v không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Xuân Trúc
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Bửu Thương
Ông Võ Sĩ Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm– Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc yêu cầu không công nhận vợ chồng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Châu Văn M; Sinh năm: 1970;
Nơi cư trú: Ấp X L, xã L V L Tp. CM, tỉnh C M;
- *Bị đơn:* Bà Trương Thị U; Sinh năm: 1975;
Nơi cư trú: Ấp X L, xã L V L, Tp. C M, tỉnh C M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Ông Châu Văn M và bà Trương Thị U tự nguyện chung sống vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thường xuyên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân khoảng 05 năm. Nay cả hai nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án cho chấm dứt quan hệ hôn nhân.

- Về con chung: Ông Châu Văn M và bà Trương Thị U xác định có 01 người con chung tên Châu Trọng Đ, sinh ngày 06/6/1997, hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông, bà xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ông, bà xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, ông M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu gì thêm. Đối với bà U có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn đang cư trú tại thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nên vụ án được xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bà Trương Thị U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà U theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông Châu Văn M và bà Trương Thị U tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, tuy có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định nhưng ông bà không đăng ký kết hôn do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Vậy nên, mặc dù ông M và bà U đều xác định trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và cả hai đều thống nhất chấm dứt mối quan hệ hôn nhưng vì hôn nhân của ông bà vi phạm về mặt hình thức là không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa ông M và bà U là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông Châu Văn M và bà Trương Thị U xác định có có 01 người con chung tên Châu Trọng Đ, sinh ngày 06/6/1997. Hiện con đã trưởng thành, ông M và bà U không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông M, bà U xác định tự thỏa thuận Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông M, bà U xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông M phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 16, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận ông Châu Văn M và bà Trương Thị U là vợ chồng.

2/ Về con chung: Ông Châu Văn M và bà Trương Thị U xác định có có 01 người con chung tên Châu Trọng Đ, sinh năm 1997 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Ông M, bà U xác định tự thỏa thuận Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Ông M, bà U xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Châu Văn M phải chịu 300.000 đồng. Ngày 09/01/2024 ông M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0007911 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu, nộp Ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà U vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trịnh Xuân Trúc